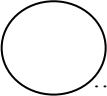


HỌ VÀ TÊN : .....		<b>KIỂM TRA CUỐI KỲ I – NĂM HỌC 2022 – 2023</b>		SỐ THỨ TỰ
STT theo danh sách lớp : ..... Phòng : .....		Ngày .... / 12/2022		.....
Lớp : ..... Trường THCS BẠCH ĐẰNG				
<b>MÔN : TOÁN 6</b> Thời gian làm bài : 90 phút	Số ký danh	Chữ ký CBCT 1	Chữ ký CBCT 2	SỐ MẬT MÃ
				.....

	<b>ĐIỂM BÀI KIỂM TRA</b>	Chữ ký Giám khảo 1	Chữ ký Giám khảo 2	Số mật mã :
				.....
				Số thứ tự :
				.....

## BÀI KIỂM TRA CUỐI KỲ I MÔN TOÁN KHỐI 6 NĂM HỌC 2022 – 2023

### I. TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

Khoanh tròn vào đáp án đúng.

**Câu 1.** Cách viết đúng của tập hợp số tự nhiên là:

A.  $\mathbb{N} = (0; 1; 2; 3; 4; 5; \dots)$

B.  $\mathbb{N} = \{0, 1, 2, 3, 4, 5, \dots\}$

C.  $\mathbb{N} = \{\dots; -3; -2; -1; 0; 1; 2; 3; \dots\}$

D.  $\mathbb{N} = \{0; 1; 2; 3; 4; 5; \dots\}$

**Câu 2.** Thứ tự thực hiện phép tính nào sau đây là đúng đối với biểu thức không có dấu ngoặc?

A. Cộng và trừ  $\rightarrow$  Nhân và chia  $\rightarrow$  Lũy thừa.

B. Nhân và chia  $\rightarrow$  Lũy thừa  $\rightarrow$  Cộng và trừ.

C. Lũy thừa  $\rightarrow$  Nhân và chia  $\rightarrow$  Cộng và trừ.

D. Cả 3 đáp án trên đều đúng.

**Câu 3:** Trong các số sau, số nào là số nguyên tố?

A. 13

B. 14

C. 15

D. 16

**Câu 4.** Số đối của (- 29) là:

A. 29

B. - 29

C. - 29 và 29

D. 0

**Câu 5.** Chọn câu sai :

A.  $12 : (- 6) = - 2$

B.  $(- 45) : 9 = 5$

C.  $(- 12) \cdot (- 20) = 240$

D.  $35 \cdot (- 7) = - 245$

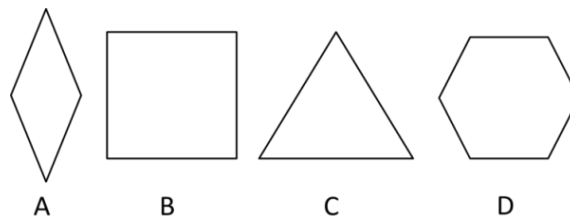
**Câu 6.** Cho các hình vẽ sau. Hình nào là hình vuông, hình tam giác đều?

A. Hình A, hình C

B. Hình B, hình C

C. Hình C, hình D

D. Hình D, hình A



**Câu 7:** Trong các khẳng định dưới đây, khẳng định nào **không đúng** về hình chữ nhật.

A. Hình chữ nhật có các cạnh đối bằng nhau.

B. Hình chữ nhật có hai đường chéo vuông góc với nhau.

C. Hình chữ nhật có các cạnh đối song song.

D. Hình chữ nhật có bốn góc vuông bằng nhau.

**Câu 8.** Kết quả số sản phẩm tham gia hội thi “Cùng em tái chế, bảo vệ môi trường” của các lớp khối 6 trong một trường THCS được ghi lại trong bảng dưới đây:

Lớp	6A1	6A2	6A3	6A4	6A5	6A6	6A7
Số sản phẩm	10	Hết	4	12	7	-1	11

Có bao nhiêu dữ liệu không hợp lý trong bảng thống kê trên:

A. 2

B. 1






C. 4

D. 0

## THÍ SINH KHÔNG ĐƯỢC VIẾT VÀO KHUNG NÀY

### VÌ ĐÂY LÀ PHÁCH SẼ RỌC ĐI MẮT

**Câu 9:** Dữ liệu số lượng thịt lợn bán được trong bốn tháng đầu năm 2022 được cho ở bảng sau. Khối lượng thịt lợn bán được trong tháng 2 của năm 2022 là:

Tháng 1	
Tháng 2	
Tháng 3	
Tháng 4	
 : 10 tấn	

- A.** 20 tấn      **B.** 20 kg.      **C.** 20 con.      **D.** 2 tấn

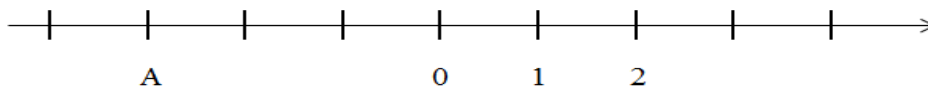
**Câu 10.** Nhiệt độ đo được ở một số nơi trong cùng một thời điểm được cho trong bảng sau:

Quốc gia	Anh	Việt Nam	Nam Cực	Canada
Nhiệt độ ( $^{\circ}\text{C}$ )	15	36	- 15	- 3

Hãy sắp xếp các nơi theo thứ tự có nhiệt độ từ cao đến thấp là:

- A.** Anh, Việt Nam, Nam Cực, Canada.      **C.** Việt Nam, Anh, Canada, Nam Cực.  
**B.** Việt Nam, Anh, Nam Cực, Canada.      **D.** Anh, Nam Cực, Canada Việt Nam.

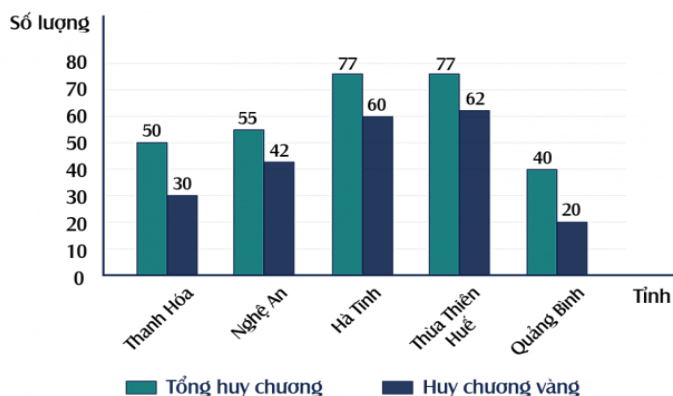
**Câu 11:** Điểm A trong hình dưới đây biểu diễn số nguyên nào?



- A.** 3      **B.** - 3      **C.** 2      **D.** - 4

**Câu 12.** Biểu đồ sau biểu diễn số huy chương vàng và tổng số huy chương của một số tỉnh miền Trung trong hội thi thể thao toàn quốc. Tỉnh có huy chương vàng nhiều nhất là:

- A.** Hà Tĩnh  
**B.** Thanh Hóa  
**C.** Thừa Thiên Huế  
**D.** Quảng Bình



## II. TỰ LUẬN (7 điểm)

**Câu 1. (1,0 điểm)**

- a) Biểu diễn các số sau bằng chữ số La Mã : 6; 21  
 b) Liệt kê bốn số nguyên tố nhỏ hơn 30

**Câu 2. (2,0 điểm)**

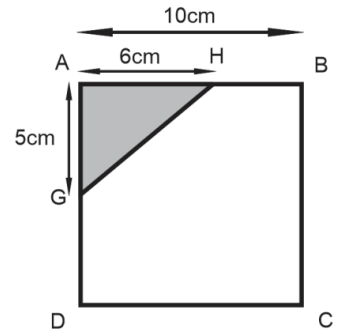
- a) Sắp xếp các số sau theo thứ tự tăng dần:  $-6; 7; -9; 0; -2022$   
 b) Vẽ một trục số rồi biểu diễn các số  $-3; 0; 6$  trên trục số đó.  
 c) Tính :  $4^2 \cdot (-15) + [130 - (12 - 2^2)]$

**THÍ SINH KHÔNG ĐƯỢC VIẾT VÀO KHUNG NÀY**

**VÌ ĐÂY LÀ PHÁCH SẼ RỌC ĐI MẮT**

**Câu 3.(0,75 điểm)** Hướng ứng phong trào “ Đông ấm cho em” do Phòng giáo dục và Đào tạo phát động; học sinh ba lớp 6A4, 6A5, 6A6 của 1 trường THCS cùng nhau quyên góp được 70 chiếc chăn bông, 280 chiếc áo khoác và 210 đôi tất. Đồ dùng quyên góp được sẽ được chia đều vào các túi quà. Hỏi có thể chia được nhiều nhất bao nhiêu túi quà? Khi đó mỗi phần quà có bao nhiêu chăn? Bao nhiêu áo khoác? Bao nhiêu đôi tất?

**Câu 4.(1,0 điểm)** Cho tấm bìa hình vuông ABCD như hình vẽ có  $AB = 10cm$



- Tính diện tích và chu vi tấm bìa ABCD.
- Người ta cắt đi một phần hình tam giác AHG trên miếng bìa (phần tô đậm) . Tính phần diện tích còn lại của tấm bìa.

**Câu 5. (0,75 điểm)** Cho bảng dữ liệu thông tin các thành viên trong một cơ quan như sau:

STT	Họ và tên	Địa chỉ
1	Nguyễn Phương Anh	758 Phạm Thế Hiển, P.7, Q.8
2	Nguyễn Minh Đạt	Google.com.vn
3	Trưởng nhóm	80 Lê Lợi P. Bến Nghé, Q.1
4	Phạm Thanh Thu	15 Nguyễn Oanh, Q.12
5	Lê Minh Châu	95 Trần Văn Đăng, P.11, Q.3
6	Đặng Văn Bình	0903289155

Hãy liệt kê những dữ liệu **không hợp lí** trong bảng trên.

**Câu 6.(0,5 điểm)**Số xe ô tô cho thuê trong một tuần của cửa hàng A được biểu diễn trong biểu đồ sau:

Ngày	Số xe cho thuê
Thứ hai	
Thứ ba	
Thứ tư	
Thứ năm	
Thứ sáu	
Thứ bảy	

Em hãy cho biết tổng số xe cho thuê trong ngày thứ sáu và thứ bảy của cửa hàng A là bao nhiêu?

( = 4 xe ô tô; 2 xe ô tô)

**Câu 7. (1 điểm)**Một đoàn xe lửa dài 150m chạy vào một đường hầm xuyên núi với tốc độ  $50m/s$ . Từ lúc toa đầu tiên chui vào hầm đến lúc toa cuối ra khỏi hầm mất 3 phút 3 giây. Hỏi đường hầm dài bao nhiêu km? ( biết  $S = v.t$  với  $S$  là quãng đường,  $v$  là vận tốc và  $t$  là thời gian) .

**BÀI LÀM**

.....

.....

.....

.....

.....

THÍ SINH KHÔNG ĐƯỢC VIẾT VÀO KHUNG NÀY  
VÌ ĐÂY LÀ PHÁCH SẼ RỌC ĐI MẮT

A large rectangular area with a vertical line down the center and horizontal dotted lines, resembling a writing template or a page for a test.

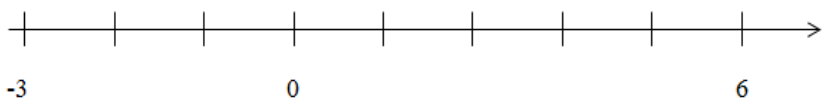
HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ CHÍNH THỨC

TRẮC NGHIỆM

Mỗi câu đúng được 0,25 điểm

1D	2C	3A	4A	5B	6B
7B	8A	9A	10C	11B	12C

TỰ LUẬN

Câu 1: (1,0)	a) 6: XI 21: XXI	0,25 0,25
	b) Liệt kê đúng 4 số nguyên tố nhỏ hơn 40	0,25 0,25
Câu 2: (2,0)	a) $-2022; -9; -6; 0; 7$	0,5
	b) 	0,75
	c) $4^2 \cdot (-15) + [130 - (12 - 2^2)]$ $= 16 \cdot (-15) + [130 - (12 - 4)]$ $= -240 + [130 - 8]$ $= -240 + 122 = -118$	0,75
Câu 3 : (0,75)	Số phần quà cần tìm là UCLN(70 ;280 ;210)	0,25
	Tìm được UCLN(70 ;280 ;210) =70	0,25
	Số chăn mỗi phần : $70 : 70 = 1$ chăn Số áo mỗi phần : $280 : 70 = 4$ áo Số tất mỗi phần : $210 : 70 = 3$ đôi	0,25
Câu 4 : (1,0)	a) Diện tích tấm bìa : $10 \cdot 10 = 100 \text{ cm}^2$ Chu vi tấm bìa : $10 \cdot 4 = 40 \text{ cm}$	0,25 0,25
	b) Diện tích hình tam giác : $6,5 : 2 = 15 \text{ cm}^2$ Diện tích phần còn lại : $100 - 15 = 85 \text{ cm}^2$	0,25 0,25
Câu 5 : (0,75)	Dữ liệu không hợp lí :	
	Trưởng nhóm	0,25
	Google.com.vn	0,25
	0903289155	0,25
Câu 6 : (0,5)	Tổng số xe ô tô cho thuê trong ngày thứ 6 và thứ 7: $6 + 18 = 24$ xe	0,5

Câu 7 : (1,0)	3 phút 3 giây = $3.60 + 3 = 183$ giây Chiều dài đường hầm: $50.183 - 150 = 9000(m)$ $9000m = 9km$ Vậy chiều dài đường hầm là $9km$ .	0,25  0,5  0,25
------------------	---	-----------------------------



## KHUNG MATRẬN ĐỀ KIỂM TRACUỒI HỌC KÌ 1 TOÁN- LỚP 6 Q3 22-23

Các phần đánh dấu (\*) có thể đặt 1 điểm TL vận dụng cao

TT	Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá								Tổng %điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	<b>Số tự nhiên (24 tiết)</b>	1. Số tự nhiên và tập hợp các số tự nhiên. Thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên	1 (TN1) 0,25 đ			1 (TL1) 0,5					2,5 (25%)
		2. Số tự nhiên. Các phép tính với số tự nhiên. Phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên	1 (TN2) 0,25 đ								
		3. Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố. Ước chung và bội chung	1 (TN3) 0,25 đ	1 (TL2) 0,5 đ				1 (TL3) 0,75 đ		(*)	
2	<b>Số nguyên (20 tiết)</b>	1. Số nguyên âm và tập hợp các số nguyên. Thứ tự trong tập hợp các số nguyên	1 (TN4) 0,25 đ	1 (TL5) 0,5 đ	1 (TN11) 0,25 đ	1 (TL6) 0,75 đ					2,75 (27,5%)
		2. Các phép tính với số nguyên. Tính chia hết trong tập hợp các số nguyên	1 (TN5) 0,25 đ					1 (TL7) 0,75 đ		(*)	
3	<b>Các hình phẳng trong thực tiễn (10 tiết)</b>	1. Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều.	1 (TN6) 0,25 đ								1,5 (15%)
		2. Hình chữ nhật, Hình thoi, hình bình hành, hình thang cân.	1 (TN7) 0,25 đ			1 (TL8) 0,5 đ		1 (TL9) 0,5 đ			



4	Một số yếu tố thống kê. (10 tiết)	1. Thu thập và tổ chức dữ liệu, biểu diễn dữ liệu theo các tiêu chí cho trước	2 (TN8) 0,25 đ			1 (TL10) 0,75 đ				(*)	2,25 (22,5%)
		2. Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ.	2 (TN9) 0,25 đ	1 (TL11) 0,5 đ	1 (TN12) 0,25 đ						
		3. Hình thành và giải quyết vấn đề đơn giản xuất hiện từ các số liệu và biểu đồ thống kê đã có	1 (TN10) 0,25 đ							(*)	
<b>Tổng: Số câu Điểm</b>			10 2,5	3 1,5	2 0,5	4 2,5	0 0	3 2,0		1 1,0	10,0
<b>Tỉ lệ%</b>			40%		30%		20%		10%		100%
<b>Tỉ lệ chung</b>			70%				30%			100%	

Chú ý: Tổng tiết: 64 tiết

### BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HKI TOÁN 6

TT	Chương/Chủ đề	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
<b>SỐ - ĐẠI SỐ</b>							
1	<b>Tập hợp các số tự nhiên</b>	Số tự nhiên và tập hợp các số tự nhiên. Thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên	<b>Nhận biết</b> – Nhận biết được tập hợp các số tự nhiên <b>Thông hiểu:</b> – Biểu diễn được số tự nhiên trong hệ thập phân – Biểu diễn được các số tự nhiên từ đến 30 bằng cách sử dụng các chữ số La Mã. <b>Vận dụng:</b> – Sử dụng được thuật ngữ tập hợp phần tử thuộc (không thuộc) một tập hợp; sử dụng được cách cho tập hợp.	TN1	TL1		TL4
		Các phép tính với số tự nhiên. Phép tính lũy	<b>Nhận biết</b> – Nhận biết được thứ tự thực hiện các phép tính	TN2			

	<p>thừa với số mũ tự nhiên</p>	<p><b>Vận dụng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Thực hiện được các phép tính : cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số tự nhiên.</li> <li>– Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng trong tính toán.</li> <li>– Thực hiện được phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên; thực hiện được các phép nhân và phép chia hai lũy thừa cùng cơ số với số mũ tự nhiên.</li> <li>– Vận dụng được các tính chất của phép tính (kể cả phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên ) để tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí.</li> <li>– Giải quyết được những vấn đề thực tiễn (<b>đơn giản, quen thuộc</b>) gắn với thực hiện các phép tính (ví dụ: tính tiền mua sắm, tính lượng hàng mua được từ số tiền đã có, ...).</li> </ul> <p><b>Vận dụng cao:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Giải quyết được những vấn đề thực tiễn (<b>phức hợp, không quen thuộc</b>) gắn với thực hiện các phép tính.</li> </ul>				<p><b>TL4</b></p>
	<p>Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố. Ước chung và bội chung</p>	<p><b>Nhận biết :</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Nhận biết được quan hệ chia hết , khái niệm ước và bội.</li> <li>– Nhận biết được khái niệm số nguyên tố, hợp số.</li> <li>– Nhận biết được phép chia có dư, định lí về phép chia có dư.</li> <li>– Nhận biết được phân số tối giản.</li> </ul> <p><b>Vận dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Vận dụng được dấu hiệu chia hết cho 2, 5, 9, 3</li> </ul>	<p><b>TN3</b> <b>TL2</b></p>		<p><b>TL3</b></p>	

			<p>để xác định một số đã cho có chia hết cho 2, 5, 9, 3 hay không.</p> <p>– Thực hiện được việc phân tích một số tự nhiên lớn hơn 1 thành tích của các thừa số nguyên tố trong những trường hợp đơn giản.</p> <p>– Xác định được ước chung, ước chung lớn nhất ; xác định được bội chung , bội chung nhỏ nhất của hai hoặc ba số tự nhiên ; thực hiện được phép cộng, phép trừ phân số bằng cách sử dụng ước chung lớn nhất, bội chung nhỏ nhất.</p> <p>– Vận dụng được kiến thức số học và o giải quyết những vấn đề thực tiễn (<i>đơn giản, quen thuộc</i>) (ví dụ: tính toán tiền hay lượng hàng hoá khi mua sắm, xác định số đồ vật cần thiết để sắp xếp chúng theo những quy tắc cho trước,...).</p> <p><b>Vận dụng cao</b></p> <p>– Vận dụng được kiến thức số học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn (<i>phức hợp, không quen thuộc</i>).</p>					TL4
2	Số nguyên	Số nguyên âm và tập hợp các số nguyên. Thứ tự trong tập hợp các số nguyên	<p><b>Nhận biết</b></p> <p>– Nhận biết được số nguyên âm, tập hợp các số nguyên.</p> <p>– Nhận biết được số đối của một số nguyên.</p> <p>– Nhận biết được thứ tự trong tập hợp các số nguyên.</p> <p>– Nhận biết được ý nghĩa của số nguyên âm trong một số bài toán thực tiễn.</p> <p><b>Thông hiểu:</b></p> <p>– Biểu diễn được số nguyên trên trục số.</p> <p>– So sánh được hai số nguyên cho trước.</p>	TN4 TL5	TN11 TL6			

		Các phép tính với số nguyên. Tính chia hết trong tập hợp các số nguyên	<p><b>Nhận biết:</b> – Nhận biết được quan hệ chia hết, khái niệm ước và bội trong tập hợp các số nguyên.</p> <p><b>Vận dụng:</b> – Thực hiện được các phép tính : cộng, trừ, nhân, chia (chia hết) trong tập hợp các số nguyên. – Vận dụng được các tính chất giao hoán , kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng , quy tắc dấu ngoặc trong tập hợp các số nguyên trong tính toán (tính viết và tính nhẩm , tính nhanh một cách hợp lí). – Giải quyết được những vấn đề thực tiễn (<b>đơn giản, quen thuộc</b>) gắn với thực hiện các phép tính về số nguyên (ví dụ: tính lỗ lãi khi buôn bán,...).</p> <p><b>Vận dụng cao:</b> – Giải quyết được những vấn đề thực tiễn (<b>phức hợp, không quen thuộc</b>) gắn với thực hiện các phép tính về số nguyên.</p>	TN5		TL7	TL4
<b>HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG</b>							
3	<b>Các hình phẳng trong thực tiễn</b>	Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều.	<p><b>Nhận biết:</b> Nhận dạng về tam giác đều, hình vuông, lục giác đều.</p> <p><b>Thông hiểu:</b> – Mô tả được một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của: tam giác đều (ví dụ : ba cạnh bằng nhau, ba góc bằng nhau); hình vuông (ví dụ: bốn cạnh bằng nhau, mỗi góc là góc vuông, hai đường chéo bằng nhau ); lục giác đều (ví dụ: sáu</p>	TN6			

			<p>cạnh bằng nhau, sáu góc bằng nhau, ba đường chéo chính bằng nhau).</p> <p><b>Vận dụng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Vẽ được tam giác đều, hình vuông bằng dụng cụ học tập.</li> <li>– Tạo lập được lục giác đều thông qua việc lắp ghép các tam giác đều.</li> </ul>				
	Hình chữ nhật, Hình thoi, hình bình hành, hình thang cân.	<p><b>Nhận biết</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Mô tả được một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân.</li> </ul> <p><b>Thông hiểu</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Vẽ được hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành bằng các dụng cụ học tập.</li> <li>– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (đơn giản, quen thuộc) gắn với việc tính chu vi và diện tích của các hình đặc biệt nói trên (ví dụ: tính chu vi hoặc diện tích của một số đối tượng có dạng đặc biệt nói trên,...).</li> </ul> <p><b>Vận dụng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính chu vi và diện tích của các hình đặc biệt nói trên..</li> </ul>	TN7	TL8	TL9	TL4	
<b>MỘT SỐ YẾU TỐ THÔNG KÊ VÀ XÁC SUẤT</b>							
4	Một số yếu tố thống kê	Thu thập, phân loại, biểu diễn dữ liệu theo các tiêu chí cho trước	<p><b>Nhận biết</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Nhận biết được tính hợp lí của dữ liệu theo các tiêu chí đơn giản.</li> </ul> <p><b>Vận dụng</b></p>	TN8	TL10		

			– Thực hiện được việc thu thập, phân loại dữ liệu theo các tiêu chí cho trước từ những nguồn: bảng biểu, kiến thức trong các môn học khác.				
		Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ.	<p><b>Nhận biết</b></p> <p>– Đọc được các dữ liệu ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (<i>column chart</i>).</p> <p><b>Thông hiểu:</b></p> <p>– Mô tả được các dữ liệu ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (<i>column chart</i>).</p> <p><b>Vận dụng</b></p> <p>– Lựa chọn và biểu diễn được dữ liệu vào bảng, biểu đồ thích hợp ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (<i>column chart</i>).</p>	TN9 TL 11	TN12		TL4
		Hình thành và giải quyết vấn đề đơn giản xuất hiện từ các số liệu và biểu đồ thống kê đã có	<p><b>Nhận biết</b></p> <p>– Nhận biết được mối liên quan giữa thống kê với những kiến thức trong các môn học trong Chương trình lớp 6 (ví dụ: Lịch sử và Địa lí lớp 6, Khoa học tự nhiên lớp 6,...) và trong thực tiễn (ví dụ: khí hậu, giá cả thị trường,...).</p> <p><b>Thông hiểu:</b></p> <p>– Nhận ra được vấn đề hoặc quy luật đơn giản dựa trên phân tích các số liệu thu được ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (<i>column chart</i>).</p> <p><b>Vận dụng</b></p> <p>– Giải quyết được những vấn đề đơn giản liên</p>	TN10			TL4

			quan đến các số liệu thu được ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép ( <i>column chart</i> ).				
--	--	--	---	--	--	--	--

Chú ý

**TL4 có thể lựa chọn trong một trong các kiến thức đã được ghi chú**

**Phụ trách bộ môn Toán Quận 3**

**Đỗ Quang Vinh**